

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 917/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/07/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.

2. Bà Lê Thị Tý.

- **Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Võ Minh Tiệp – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Phạm Hồng Thương Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2023/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2023, về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 90/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chung Thị Mỹ N, sinh năm: 1973;

Thường trú: E9/252B Ấp N, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quang M, sinh năm: 1977;

Thường trú: 143/50/34/53B đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Chung Thị Mỹ N và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Chung Thị Mỹ N trình bày: bà và ông Trần Quang M kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/2016. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ và không thống nhất được cách giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm kéo dài trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp, cả hai ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang M.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có.

Bị đơn ông Trần Quang M: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Chung Thị Mỹ N có đơn xin vắng mặt, ông Trần Quang M vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị Mỹ N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Chung Thị Mỹ N có yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Trần Quang M cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là bà Chung Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Trần Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Quang M vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/2016, cùng lời khai của bà Chung Thị Mỹ N về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Chung Thị Mỹ N và ông Trần Quang M là hôn nhân hợp pháp.

Bà Chung Thị Mỹ N có yêu cầu ly hôn với ông Trần Quang M vì giữa bà và ông M trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm kéo dài trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp, cả hai ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Đối với ông Trần Quang M, Tòa

án đã nhiều lần triệu tập ông đến Tòa để làm việc nhưng ông không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Chung Thị Mỹ N.

Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà Chung Thị Mỹ N và ông Trần Quang M là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đồng thời ông M cũng không có ý kiến gì về yêu cầu và những nội dung mà bà N đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nên việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà Chung Thị Mỹ N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với quy định của pháp luật nên thống nhất

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Chung Thị Mỹ N đối với ông Trần Quang M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Chung Thị Mỹ N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu số 0010789 ngày 02/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Chung Thị Mỹ N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- TAND, VKSND TP.HCM;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nhất Bình